

Bản án số: 432/2019/HC-PT

Ngày 10 tháng 7 năm 2019

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 189/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 5 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1248/2019/QĐPT - HC ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã An Nhứt Tân, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Anh Lê Bảo Q, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 413/41/14/31 Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông A, quận B, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2018) – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trịnh Phước T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số 1121/UQ-UBND ngày 03/7/2019) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Tấn T1 – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn A – Xin vắng mặt.

Trụ sở chính: Số 25/1 Quốc lộ 1A, xã Long Hiệp, huyện B, tỉnh L.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người đại diện trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của gia đình bà để thực hiện Dự án hạ tầng khu công nghiệp A với số tiền 1.764.947.120 đồng, nhưng bà H không đồng ý vì bồi thường giá trị đất không đúng thực tế, chưa xem xét vị trí đất và các khoản hỗ trợ khác chưa đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L để ban hành quyết định bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 1698/UBND-KT ngày 01/12/2017 và các lời khai tiếp theo của ông Trịnh Phước T là người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 21/8/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1107/QĐ-TTg về việc quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, trong đó có Khu công nghiệp A, tỉnh L. Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 31/7/2007 và Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 26/9/2007 về việc thu hồi đất tại xã An Nhứt Tân, huyện T, tỉnh L. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 31/8/2007 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ dự án và chi trả tiền từ tháng 10/2007 đến tháng 12/2007 cho 257/361 hộ nhận số tiền 115/119,9 tỷ đồng. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 về việc phê duyệt hỗ trợ thêm đơn giá nhà và tái định cư ưu đãi bằng tiền, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định hỗ trợ tăng thêm giá trị, vật kiến trúc, công trình và tái định cư ưu đãi bằng tiền cho từng hộ dân và chi trả cho 236 hộ dân nhận 23.884.076.410 đồng. Sau đó có 82 hộ khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh L ban hành 82 bản án hủy các quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện T.

Sau khi Tòa án tuyên hủy các quyết định bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp A trong đó có hộ bà Nguyễn Thị H, đến ngày 12/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ dân và trên cơ sở đó, ban

hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà H với số tiền 1.764.947.120 đồng (Mức cũ năm 2007 là 723.864.680 đồng). Bà H đã nhận đủ tiền bồi thường. Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại văn bản ngày 23/02/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn A trình bày: Đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Các điều 74, 75, 83, 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 06/3/2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Anh Lê Bảo Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T với các lý do sau: Dự án đến năm 2015, không được cấp có thẩm quyền gia hạn nhưng đến năm 2017 vẫn chưa thực hiện xong; Thời điểm thu hồi đất là năm 2008, nhưng Ủy ban không áp dụng quy định của pháp luật thời điểm thu hồi đất, mà lại áp dụng quy định của pháp luật hiện nay là không đúng thời điểm, gây thiệt thòi cho dân. Theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất thì bà H được 02 nền tái định cư không phải trả tiền và 03 nền ưu đãi, nhưng theo Quyết định 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 thì bà H chỉ được 01 nền tái định cư nhưng phải trả giá trị trên 200 triệu đồng, là thiệt thòi hơn cho bà H chứ không có lợi hơn như Ủy ban trình bày. Giá đất bồi thường không đúng thực tế và không đúng quy định của pháp luật, nếu Ủy ban nói đã bồi thường đúng giá thì đề nghị cho dân giữ lại đất và dân sẽ hoàn trả tiền đã nhận lại cho Nhà nước. Từ năm 2008 đến nay dân không canh tác được trên đất nên có thiệt hại chưa được xem xét.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ định hướng đến năm 2030 nên Ủy ban đang tiếp tục thực hiện; Giá bồi hoàn đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Về bồi thường tài sản trên đất, hoa màu

thì Ủy ban có tổ chức họp dân và thống nhất lấy biên bản kiểm đếm cũ, áp giá mới vào để bồi thường là có lợi cho dân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị xem xét khi thu hồi đất năm 2008, Ủy ban đã ra các quyết định bồi thường nhưng do các quyết định này bị Tòa án hủy nên Ủy ban đã ban hành các quyết định mới và áp dụng quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành và theo quyết định bồi thường năm 2017 là có lợi cho bà H vì bà H được nhận số tiền 1.764.947.120 đồng là nhiều hơn so với mức cũ năm 2007 là 723.864.680 đồng; Thực tế dân vẫn còn ở trên đất, chưa giao đất cho Dự án nên không thể nói có thiệt hại. Đề nghị bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Dự án khu công nghiệp A, tỉnh L được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 (khoản 1 Luật đất đai năm 2003) thì Dự án khu công nghiệp A là dự án Nhà nước thực hiện thu hồi đất nên không thuộc trường hợp chủ đầu tư phải thỏa thuận với chủ sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T phải áp giá bồi thường cho bà theo giá của các tài liệu do người đại diện của bà H cung cấp gồm: Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của một số cá nhân ở địa phương và theo giá của Chứng thư thẩm định giá số 45A/CT-TĐG/ADAC ngày 11/9/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Thẩm định giá ASIA DRAGON (ADAC) đối với khách hàng Lê Văn T2.

[3] Về giá đất bồi thường: Tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định việc bồi thường tính theo giá đất cụ thể. Dự án khu công nghiệp A thu hồi các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau, nên Ủy ban nhân dân huyện T đã bồi thường giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất là đúng quy định tại khoản 5 Điều 4; điểm đ khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không phụ thuộc vào Chứng thư thẩm định giá. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H cho rằng Ủy ban nhân dân

áp dụng giá đất bồi thường trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá sai quy định của pháp luật.

[4] Về bồi thường các tài sản trên đất: Tuy các tài sản trên đất được kiểm kê từ năm 2007, nhưng việc bồi thường được áp giá theo quy định tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 và Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh L là phù hợp.

[5] Về các khoản hỗ trợ: Tại Điều 15 Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm không quá 0,4 lần được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh là không trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện T đã áp dụng mức hỗ trợ 0,4 lần giá đất nông nghiệp cùng loại (là mức tối đa) để hỗ trợ cho bà H là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về mua nền tái định cư: Theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 thì bà H được bố trí một trong các lô nền tái định cư tại khu Tái định cư ấp 5 xã An Nhứt Tân và phải trả tiền (loại II Khu A, D, C là $90 \text{ m}^2/\text{nền} = 217.260.000$ đồng; lô nền loại II Khu B, E là $100 \text{ m}^2/\text{nền} = 241.400.000$ đồng); Trường hợp bà H không nhận nền tái định cư thì sẽ được hỗ trợ số tiền 177.220.000 đồng. Như vậy, suất tái định cư bằng tiền đã được áp dụng phù hợp Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ. Việc mua nền tái định cư trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, do đó trong trường hợp bà H cho rằng giá nền tái định cư là cao thì bà có thể nhận tái định cư bằng tiền mà không nhận nền tái định cư.

[7] Về mua nền ưu đãi: Bà H được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh L và theo quyết định này không còn triển khai việc mua nền ưu đãi.

[8] Tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định người cao tuổi được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nhưng bản án sơ thẩm đã buộc bà phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là không đúng, nên sửa án sơ thẩm về án phí, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Do sửa án nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2018/HC-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L về án phí.

2.1. Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị H cư ngụ tại ấp 4, xã An Nhứt Tân, huyện T do thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A.

2.2. Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001009 ngày 29/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001207 ngày 09/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công